

# VIETNAM DAILY

## [Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngân hàng và bất động sản

## [Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

## [Thông tin doanh nghiệp]

DGC, FPT

## [Cập nhật công ty]

PNJ

## [Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị áp dụng chiến lược linh hoạt bán quay vòng từng phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận các vùng cản để tối ưu giá vốn.

22/03/2021

	Chỉ số	Thay đổi (%, bp)
VNIndex	1,503.78	+0.59
VN30	1,513.40	+0.71
HĐTL VN30F1M	1,500.00	+0.34
HNXIndex	461.35	+0.67
HNX30	849.04	+0.77
UPCoM	116.80	+0.53
USD/VND	22,872	+0.05
Lợi suất TPCP 10 năm (%)	2.43	+5
Lãi suất qua đêm (%)	2.04	-3
Dầu (WTI, \$)	111.30	-0.73
Vàng (LME, \$)	1,925.43	-0.54



# Điểm nhấn thị trường

**VNIndex** 1,503.78 (+0.59%)  
**KLGD (triệu CP)** 947.7 (+36.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 1,245.5 (+17.5%)

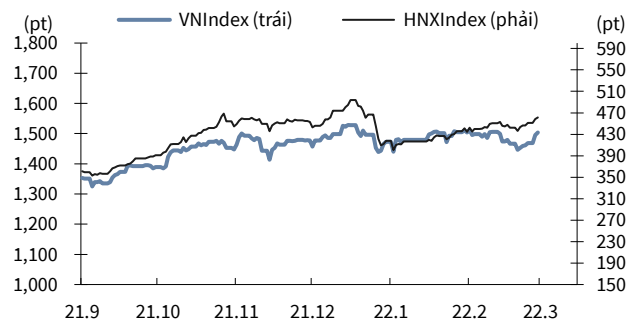
**HNXIndex** 461.35 (+0.67%)  
**KLGD (triệu CP)** 140.4 (+34.5%)  
**GTGD (triệu US\$)** 168.0 (+25.1%)

**UPCoM** 116.80 (+0.53%)  
**KLGD (triệu CP)** 68.9 (-16.7%)  
**GTGD (triệu US\$)** 57.9 (-7.4%)

**NĐTNN mua ròng (triệu US\$)** +23.6

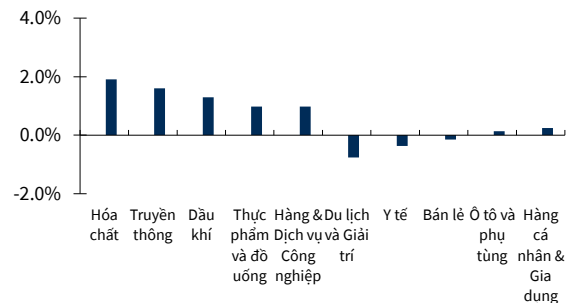
TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt nhóm cổ phiếu ngân hàng và bất động sản. Giá dầu thế giới tăng mạnh sau khi cuộc đàm phán kéo dài 90 phút giữa Nga và Ukraine không đạt được tiến triển tác động tích cực đến cổ phiếu dầu khí ở BSR (+1.9%), PLX (+1.4%). VASEP dự báo, xuất khẩu tôm tiếp tục tăng trưởng khoảng 40% trong tháng 3/2022 nhờ nhu cầu thị trường đang mạnh, xuất khẩu cả năm dự kiến đạt khoảng 4 tỷ USD, tăng 3% so với năm 2021 giúp cổ phiếu thủy sản tăng giá ở MPC (+0.2%). Theo Hiệp hội Mía đường Việt Nam (VSSA), nửa đầu tháng 3/2022, thị trường sau Tết, mức cầu thấp kết hợp dịch Covid-19 bùng phát ở phía Bắc khiến mức cầu đối với sản phẩm đường giảm hẳn trong khi các nguồn cung dồi dào khiến cổ phiếu nhóm mía đường giảm giá ở SLS (-0.7%), LSS (-0.6%). Khối ngoại mua ròng ở DGC (+7%), STB (+2.9%), GEX (0%).

## VNIndex & HNXIndex



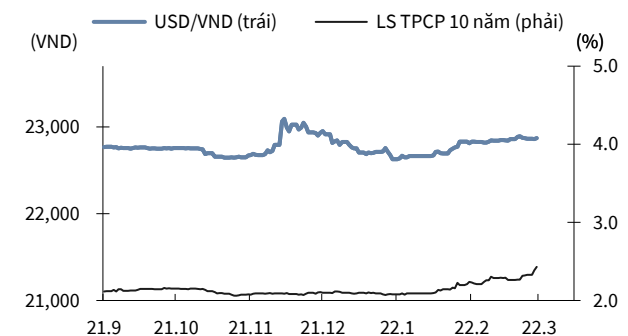
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

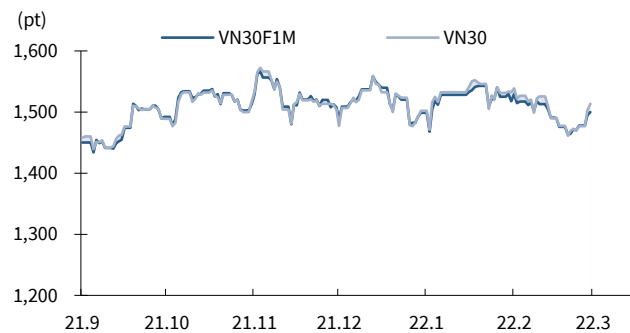
# Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

<b>VN30</b>	<b>1,513.40 (+0.71%)</b>
<b>VN30F1M</b>	<b>1,500.0 (+0.34%)</b>
<b>Mở cửa</b>	<b>1,498.1</b>
<b>Cao nhất</b>	<b>1,505.5</b>
<b>Thấp nhất</b>	<b>1,494.0</b>

Các HĐTL tăng điểm, tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2204 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -4.17 điểm, biến động trong biên độ âm suốt phiên trước khi đóng cửa ở mức -13.4 điểm, cho thấy tâm lý nghi ngờ của nhà đầu tư trước đà tăng của thị trường cơ sở. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường tăng nhẹ.

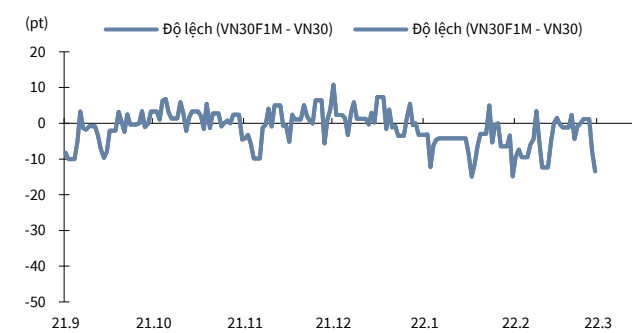
**KLGD (HĐ)**      **116,010 (+5.2%)**

## HĐTL VN30F1M & VN30



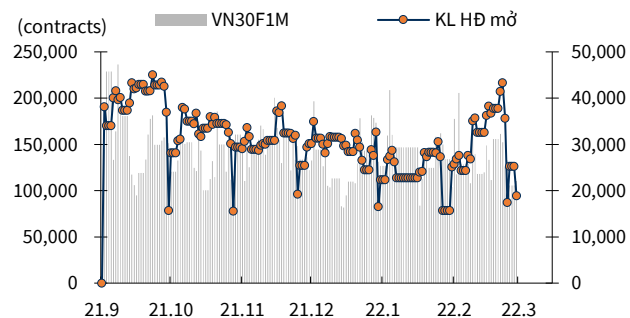
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



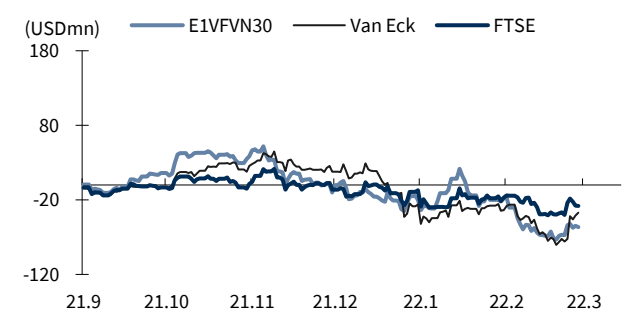
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

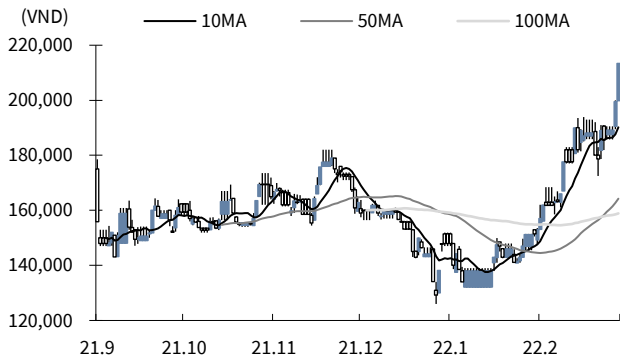
## Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

# Thông tin doanh nghiệp

## Hóa chất Đức Giang (DGC)

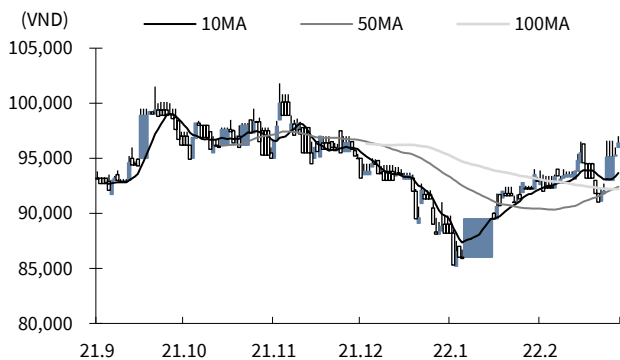


Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DGC tăng 6.97% lên 213,400 VND/cp

- Tập đoàn Hóa chất Đức Giang công bố đầu tư 300 tỷ đồng thành lập công ty TNHH MTV Hóa chất Đức Giang - Đắk Nông để sản xuất hóa chất cơ bản, phân bón và hợp chất ni tơ, sản xuất plastic và cao su tổng hợp dạng nguyên sinh... trong đó Hóa chất Đức Giang sẽ sở hữu 100% vốn điều lệ công ty mới.

## CTCP FPT (FPT)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- FPT tăng 1.15% lên 96,400 VND/cp

- Theo thông tin từ FPT, lợi nhuận trước thuế và doanh thu trong 2 tháng đầu năm đạt 1,102 tỷ đồng và 6,102 tỷ đồng, tăng lần lượt 30% và 27% so với cùng kỳ. Trong đó, mảng xuất khẩu phần mềm đạt doanh thu 2,663 tỷ đồng, tương đương tăng 32.6%, đóng góp bởi sức tăng đến từ thị trường Mỹ (tăng 57%) và APAC (tăng 75%). Doanh thu mảng công nghệ đạt 3,364 tỷ đồng (+30.5% YoY) và khối lượng đơn hàng ký mới tại thị trường nước ngoài tăng lên 3,116 tỷ đồng, tương đương mức tăng 52% YoY.

# CTCP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (PNJ)

## KQKD Q4/2021 phục hồi mạnh mẽ, triển vọng sáng sau tác động từ dịch bệnh

Chuyên viên phân tích Lương Ngọc Tuấn Dũng  
dunglnt@kbsec.com.vn

22/03/2022

### Kết quả kinh doanh phục hồi mạnh sau các tháng lỗ lũy kế trong Q3/2021

Luỹ kế năm 2021, doanh thu thuần đạt 19,593 tỷ đồng (+11.9% YoY) – hoàn thành 93.3% kế hoạch đặt ra trong năm. LNST đạt 1,030 tỷ đồng (-3.7% YoY) – tương đương mức hoàn thành 83.8% kế hoạch lợi nhuận. Luỹ kế 2T2022, doanh thu thuần đạt 7,066 tỷ đồng (+41.1% YoY) và LNST đạt 522 tỷ đồng – tương đương tăng trưởng 36.7% YoY.

### Doanh thu hồi phục “hình chữ K” khi không còn giãn cách xã hội

Chúng tôi cho rằng, kết quả kinh doanh của PNJ trong năm 2022 sẽ tiếp tục phục hồi mạnh, đặc biệt là mảng trang sức bán lẻ khi kết quả kinh doanh phụ thuộc lớn vào việc các cửa hàng được mở cửa. Ngoài ra, theo quan điểm của chúng tôi tệp khách hàng của PNJ nhìn chung ít bị ảnh hưởng và hồi phục tốt hơn so với mặt bằng dân số bình quân. Điều này có thể được minh chứng qua hai đợt giãn cách xã hội lớn Q2/2020 và Q3/2021 thì KQKD của PNJ đều phục hồi ấn tượng.

### Đẩy mạnh mảng trang sức bán lẻ nhờ mở thêm cửa hàng mới từ vốn huy động phát hành riêng lẻ

Chúng tôi kỳ vọng rằng, số lượng cửa hàng mở mới của PNJ Gold trong năm 2022 sẽ nằm trong khoảng từ 20-40 cửa hàng tùy thuộc vào tình hình dịch bệnh diễn biến trong năm. Nhờ đó, kỳ vọng doanh thu mảng trang sức bán lẻ tăng trưởng từ 30-35% YoY từ mức nền thấp.

### Khuyến nghị: MUA – Giá mục tiêu: 129,100 VNĐ/cp

Năm 2022, chúng tôi dự phóng kết quả hoạt động kinh doanh của PNJ với doanh thu thuần đạt 24,111 tỷ đồng (+23% YoY) và lợi nhuận sau thuế đạt 1,435 tỷ đồng (+38.9% YoY). Cho năm 2023, mức doanh thu thuần đạt 27,772 tỷ đồng (+15.1% YoY) và LNST ở mức 1,898 tỷ đồng (+32% YoY). Chúng tôi khuyến nghị MUA đối với cổ phiếu PNJ, giá mục tiêu 129,100 VNĐ/cp, cao hơn 22% so với giá đóng cửa ngày 21/03/2022.

## MUA

**Giá mục tiêu 129,100 VNĐ**

Tăng/giảm (%)	22%
Giá hiện tại (21/03/2022)	105,600 VNĐ
Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ/triệu USD)	24/1.06

#### Dữ liệu giao dịch

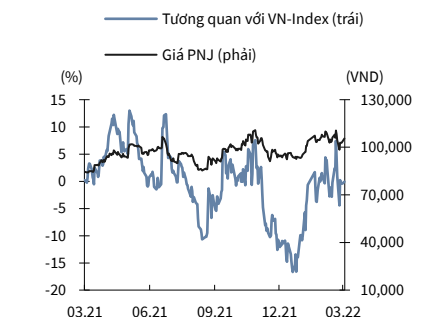
Tỷ lệ CP tự do chuyển nhượng	85%
GDTB 3 tháng (tỷ VNĐ, triệu USD)	101/4.48
Sở hữu nước ngoài	48.62%
Cổ đông lớn	VinaCapital Vietnam Opportunity Fund (8.48%)

#### Biến động giá cổ phiếu (%)

	1M	3M	6M	12M
Tuyệt đối	-4	12	15	24
Tương đối	-3	11	4	0

#### Dự phóng KQKD & định giá

FY - end	2020A	2021A	2022E	2023E
Doanh số thuần (tỷ VNĐ)	17,511	19,613	24,111	27,772
Lãi/(lỗ) từ hoạt động kinh doanh	1,349	1,305	1,810	2,393
Lợi nhuận sau thuế (tỷ VNĐ)	1,069	1,033	1,435	1,898
EPS (nghìn VNĐ)	4,308	4,161	5,914	7,823
Tăng trưởng EPS (%)	-12.0	-3.4	42.1	32.3
P/E (x)	18.8	23.1	17.9	13.5
P/B (x)	3.5	3.6	3.7	3.2
ROE (%)	20	18	22	24
Tỷ lệ trả cổ tức, phổ thông (%)	45	35	35	35



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

# Quan điểm kỹ thuật

## Xu hướng & Hành động

### Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



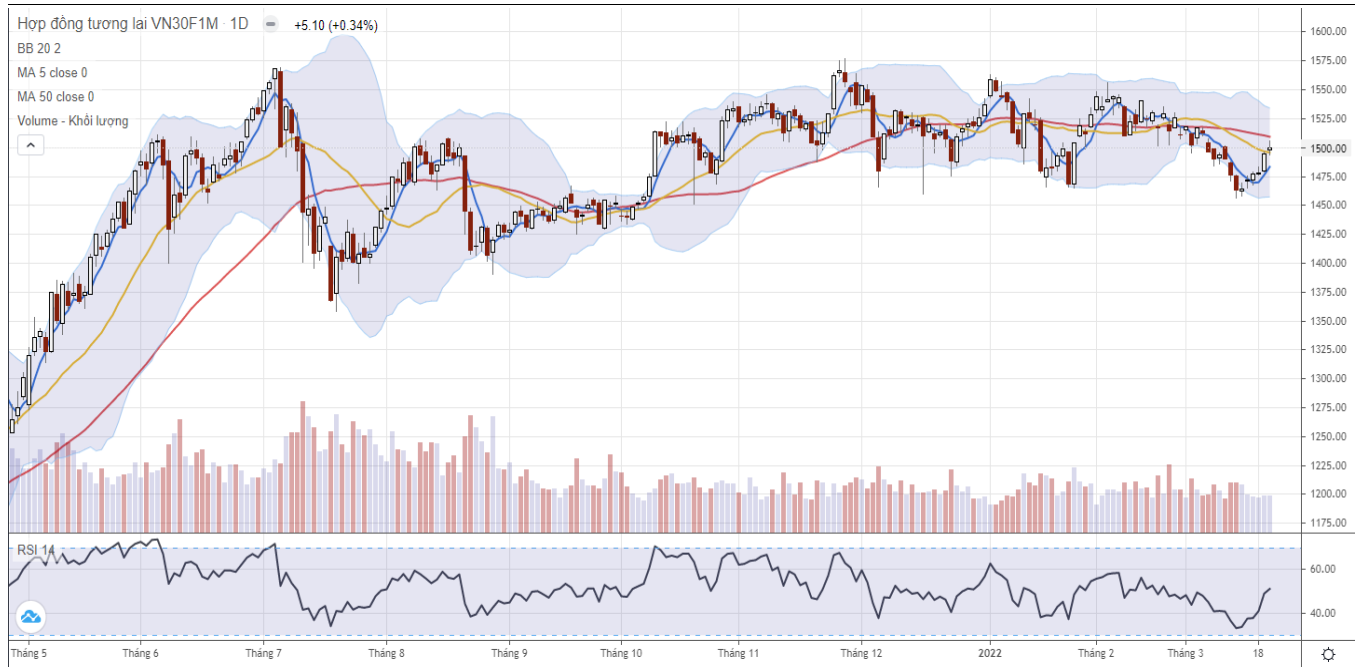
Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- Sau nhịp mở gap tăng điểm đầu phiên, VNIndex diễn biến tăng điểm giằng co trong biên độ hẹp với các nhịp tăng giảm đan xen.
- Sau 2 phiên tăng điểm tích cực, áp lực chốt lời ngắn hạn có thể sẽ gia tăng tại vùng giá cao và chỉ số có thể kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 148x. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội hồi phục sau đó và hướng lên ngưỡng cản kế tiếp tại quanh 1520 vẫn đang được đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị áp dụng chiến lược linh hoạt bán quay vòng từng phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận các vùng cản để tối ưu giá vốn.

## Chỉ số VN30



## Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

### Ngưỡng trong phiên

**Kháng cự xa:** 1520 – 1525

**Kháng cự gần:** 1509 - 1514

**Hỗ trợ gần:** 1488 – 1491

**Hỗ trợ xa:** 1478 – 1482

- F tăng điểm tích cực trong phiên trước khi dần suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên.
- Sau 2 phiên tăng điểm tích cực, các nhịp rung lắc mạnh hơn sẽ xuất hiện trong các phiên tới và chỉ số có thể kiểm định lại ngưỡng hỗ trợ đáng lưu ý quanh 148x. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội hồi phục sau đó và hướng lên ngưỡng cản kế tiếp tại quanh 1520 vẫn đang được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Áp dụng chiến lược giao dịch linh hoạt 2 chiều, Long tại hỗ trợ và Short tại kháng cự.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Mở một phần vị thế Long khi chỉ số lùi về vùng hỗ trợ trong phiên.

*Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.*

# KBSV danh mục đầu tư mẫu

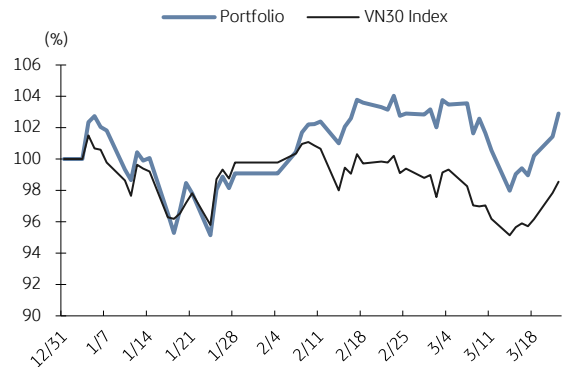
Khởi phân tích KBSV

## Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

	VN30 Index	Master Portfolio
Tăng trong phiên	0.71%	1.46%
Tăng lũy kế (YTD)	-1.45%	2.90%

## So sánh hiệu suất với VN30 Index



## Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

Mã CP	Ngày khuyến nghị	Giá đóng cửa 22/03/2022	Tăng/giảm trong phiên (%)	Tăng/giảm lũy kế (%)	Điểm nhấn đầu tư
Mobile World (MWG)	09/08/2019	135,200	0.2%	74.6%	- MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm
Dam Phu My (DPM)	04/03/2022	66,000	5.8%	3.5%	- Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp
Phu Nhuận Jewelry (PNJ)	22/03/2021	107,000	1.3%	37.8%	- Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP"
Nam Tan Uyen (NTC)	11/11/2021	205,000	0.2%	6.5%	- Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh
Refrig Elec Eng (REE)	11/10/2021	74,100	2.9%	111.8%	- Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn
FPT Corp (FPT)	06/09/2021	96,400	1.2%	227.4%	- Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020
Vietin Bank (CTG)	31/01/2020	33,000	0.5%	73.8%	- Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh
PV Gas (GAS)	11/12/2020	115,000	0.9%	55.3%	- Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh
Hoa Phat Group (HPG)	04/12/2021	46,900	0.1%	223.7%	- Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần.
Kinhbanc City Development (KBC)	09/03/2020	54,600	1.5%	292.7%	- Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam



# Thống kê thị trường

## HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
DGC	7.0%	9.2%	244.5
STB	2.9%	20.5%	95.9
GEX	0.0%	7.9%	92.2
VRE	0.0%	30.1%	71.9
VHm	0.7%	23.8%	67.2

Mã	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
NVL	2.1%	6.6%	-141.0
E1VFN30	0.5%	94.4%	-95.7
VNM	-0.9%	54.3%	-99.9
VND	0.5%	20.3%	-39.0
FUESSVFL	-0.6%	94.9%	-16.0

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Mua ròng (Tỷ VND)
IDC	-1.4%	1.3%	2.6
PVC	9.8%	0.5%	0.7
TA9	6.1%	5.8%	0.3
APS	4.8%	0.9%	0.3
PPS	1.5%	26.7%	0.3

Ticker	Thay đổi (%)	Sở hữu nước ngoài (%)	Bán ròng (Tỷ VND)
PVS	2.3%	8.7%	-11.0
DNM	6.6%	3.9%	-0.7
Pvi	-0.8%	57.9%	-0.5
TTT	5.5%	2.6%	-0.5
BVS	0.0%	9.4%	-0.4

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Bảo hiểm	7.3%	BVH, PGI
Bất động sản	5.9%	VHM, VIC
Công nghệ thông tin	5.6%	FPT, SAM
Hóa chất	4.8%	DGC, GVR
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	4.5%	GAS, BWE

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Du lịch và Giải trí	-3.7%	VJC, HVN
Y tế	0.8%	DHG, DCL
Hàng cá nhân & Gia dụng	1.0%	DQC, STK
Dầu khí	1.4%	PVD, PLX
Tài nguyên Cơ bản	2.0%	KSB, SHI

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

5 ngành diễn biến tích cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Truyền thông	15.5%	YEG, YEG
Hóa chất	11.6%	DGC, DCM
Bảo hiểm	6.4%	BVH, PGI
Tài nguyên Cơ bản	3.3%	HPG, NKG
Xây dựng và Vật Liệu	3.0%	PC1, DPG

5 ngành diễn biến tiêu cực nhất	Thay đổi (%)	Mã tiêu biểu
Dầu khí	-5.1%	PLX, PVD
Thực phẩm và đồ uống	-2.6%	MSN, SAB
Ngân hàng	-2.3%	BID, VCB
Du lịch và Giải trí	-2.0%	HVN, VJC
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	-1.9%	PGD, GEG

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND tỷ, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Bất Động Sản	VIC	VINGROUP JSC	97,778	372,067 (16,170)	265,426 (11.6)	22.5	277.2	72.6	14.7	1.1	4.4	3.3	3.1	1.5	5.0	0.2	-13.6
	VHM	VINHOMES JSC	79,385	339,478 (14,753)	329,423 (14.4)	26.6	9.6	8.1	35.9	25.0	23.3	2.2	1.7	0.6	4.7	-1.6	-4.9
	VRE	VINCOM RETAIL JS	34,850	79,190 (3,442)	211,509 (9.3)	17.8	28.0	18.8	-7.6	8.7	11.8	2.3	2.2	0.0	4.6	-3.8	10.3
	NVL	NO VA LAND INVES	45,853	86,712 (3,768)	302,010 (13.2)	31.3	28.5	19.2	6.7	15.4	18.7	3.9	3.2	2.1	9.8	7.7	-7.6
	KDH	KHANG DIEN HOUSE	31,182	19,167 (833)	67,818 (3.0)	11.6	24.8	20.3	18.0	13.7	14.4	3.0	2.7	-0.9	5.6	-2.0	3.5
	DXG	DAT XANH GROUP	21,130	12,594 (547)	492,855 (21.6)	13.9	19.8	21.9	-	14.8	12.4	2.7	2.6	0.9	12.6	16.5	29.1
Ngân hàng	VCB	BANK FOR FOREIGN	79,937	378,305 (16,441)	115,166 (5.0)	6.3	15.1	12.4	11.7	20.4	21.2	2.8	2.3	0.0	4.7	-2.2	7.7
	BID	BANK FOR INVESTM	34,507	174,556 (7,586)	104,466 (4.6)	12.7	16.4	11.8	-5.3	17.2	20.2	2.3	2.1	-0.7	3.3	-5.4	17.3
	TCB	VIETNAM TECHNOLO	38,900	136,341 (5,925)	359,012 (15.7)	0.0	8.1	6.7	14.3	21.0	20.5	1.5	1.3	0.9	2.7	-2.9	-0.2
	CTG	VIETNAM JS COMM	28,512	137,021 (5,955)	260,620 (11.4)	1.4	8.0	6.5	61.1	19.9	22.9	1.4	1.2	0.5	3.3	-4.6	-2.7
	VPB	VIETNAM PROSPERI	22,944	101,381 (4,406)	667,294 (29.2)	0.0	10.9	8.8	18.8	16.6	17.3	1.7	1.4	0.1	-0.1	3.7	2.9
	MBB	MILITARY COMMERC	19,407	73,327 (3,187)	613,815 (26.9)	0.0	8.1	6.9	14.6	22.7	22.0	1.6	1.2	0.8	2.7	-5.7	12.3
	HDB	HDBANK	20,400	40,641 (1,766)	139,150 (6.1)	4.2	7.9	6.8	23.3	21.8	19.8	-	-	0.0	4.0	-4.2	-8.3
	STB	SACOMBANK	18,600	33,548 (1,458)	621,437 (27.2)	14.0	12.1	8.2	26.5	14.2	18.7	1.7	1.5	2.9	4.1	1.0	8.1
	TPB	TIEN PHONG COMME	20,630	28,732 (1,249)	243,780 (10.7)	0.0	9.5	7.7	37.4	23.0	22.6	2.0	1.6	1.5	1.5	-2.4	-1.3
	EIB	VIETNAM EXPORT-I	18,500	22,745 (988)	22,580 (1.0)	0.2	-	-	27.3	-	-	-	-	0.1	-2.0	3.6	7.6
Bảo hiểm	BVH	BAO VIET HOLDING	61,900	45,950 (1,997)	58,658 (2.6)	21.0	19.6	16.9	15.8	10.2	11.1	1.9	1.8	0.0	6.2	3.9	4.5
	BMI	BAOMINH INSURANC	22,250	2,439 (106)	21,851 (1.0)	14.2	25.5	20.3	9.1	10.8	13.1	2.4	2.2	-0.7	8.5	10.8	-3.7
Chứng khoán	SSI	SSI SECURITIES C	21,998	19,947 (867)	499,782 (21.9)	55.4	19.8	18.7	-3.2	15.2	15.2	-	-	0.1	2.4	-1.4	-14.4
	VCI	VIET CAPITAL SEC	27,500	9,108 (396)	176,460 (7.7)	71.9	-	-	-4.0	-	-	-	-	0.5	2.7	-2.0	-17.9
	HCM	HO CHI MINH CITY	22,265	8,907 (387)	157,123 (6.9)	52.4	-	-	-19.0	-	-	-	-	1.1	3.2	-5.3	-21.1
	VND	VNDIRECT SECURIT	6,983	5,734 (249)	447,649 (19.6)	27.2	-	-	36.3	-	-	-	-	0.5	-1.4	7.8	-3.4
Hàng tiêu dùng thiết yếu	VNM	VIET NAM DAIRY P	109,000	227,805 (9,900)	174,620 (7.6)	42.1	16.0	14.7	4.0	31.3	32.9	4.6	4.4	-0.9	-0.4	-3.9	-11.0
	SAB	SAIGON BEER ALCO	192,500	123,447 (5,365)	19,546 (0.9)	36.9	23.0	19.0	7.3	19.6	21.4	4.2	3.8	1.2	1.8	-8.6	2.0
	MSN	MASAN GROUP CORP	95,100	111,712 (4,855)	141,021 (6.2)	16.5	32.3	7.7	-51.9	17.9	23.0	5.4	4.3	2.4	5.2	-5.7	-13.2
	HNG	HOANG ANH GIA LA	12,450	13,801 (600)	120,859 (5.3)	48.8	-	-	-	-	-	-	-	4.0	8.6	8.9	-15.5
Công nghiệp (vận tải)	VJC	VIETJET AVIATION	131,800	69,042 (3,001)	141,243 (6.2)	11.0	-	122.5	-88.5	1.0	6.8	-	-	-1.7	-4.9	-1.4	9.7
	GMD	GEMADEPT CORP	33,100	9,976 (434)	188,350 (8.2)	10.8	22.6	20.4	-57.0	12.1	13.1	2.5	2.3	0.4	4.2	4.6	15.4
	CII	HO CHI MINH CITY	22,600	5,398 (235)	314,351 (13.8)	38.4	13.8	9.0	65.7	11.2	14.9	1.6	1.4	6.9	12.2	1.3	-26.4
Công nghiệp (Tư bản)	ROS	FLC FAROS CONSTR	3,670	2,083 (091)	138,493 (6.1)	46.4	-	-	-92.4	-	-	-	-	2.2	15.3	7.0	-32.4
	GEX	GELEX GROUP JSC	15,802	10,411 (452)	592,260 (25.9)	37.7	19.0	13.9	-13.2	12.0	15.1	-	-	0.0	3.7	0.0	-3.4
	CTD	COTECCONS CONSTR	73,200	5,438 (236)	57,775 (2.5)	3.6	18.0	13.8	-52.4	4.3	5.4	0.8	0.7	1.3	0.1	-8.9	-20.1
	REE	REE	59,600	18,419 (800)	45,031 (2.0)	0.0	11.5	9.6	-4.5	13.8	14.4	1.6	1.4	2.9	2.9	3.5	7.2

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

Ngành	Mã	Tên công ty	Giá bán	Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDmn)	GTGD (VND triệu, USDmn)	Room còn lại (%,-1d)	P/E (X)		EPS CAGR (%)	ROE (%)		P/B (X)		Biến động (%)			
							20E	21E		20E	21E	20E	21E	1D	1W	1M	YTD
Tiện ích	GAS	PETROVIETNAM GAS	90,100	172,447 (7,494)	136,146 (6.0)	46.1	19.1	18.8	-17.5	21.5	21.7	3.9	3.7	0.9	6.5	-1.3	19.5
	NT2	PETROVIETNAM NHO	22,850	6,578 (286)	13,893 (0.6)	31.4	12.2	9.8	-10.5	14.3	15.8	1.5	1.4	-0.2	0.7	-5.0	-13.5
	PPC	PHA LAI THERMAL	26,200	8,400 (365)	3,534 (0.2)	34.1	15.9	9.9	-5.1	10.1	17.3	1.4	1.3	0.5	-0.5	-2.4	-8.9
Nguyên vật liệu	HPG	HOA PHAT GRP JSC	32,481	145,287 (6,314)	1,294,964 (56.7)	18.0	7.0	6.9	21.9	29.5	24.5	1.8	1.4	0.1	1.6	1.1	1.1
	DPM	PETROVIETNAM FER	17,400	6,809 (296)	509,081 (22.3)	36.5	10.9	16.6	-0.5	30.7	17.8	3.7	3.3	5.8	5.9	39.2	32.0
	DCM	PETRO CA MAU FER	13,650	7,226 (314)	384,915 (16.8)	46.5	9.7	14.2	-4.5	29.9	17.6	2.5	2.3	4.3	3.9	47.7	21.1
	HSG	HOA SEN GROUP	22,636	11,063 (481)	503,395 (22.0)	38.9	6.8	6.8	67.9	24.0	20.4	1.4	1.2	1.6	4.3	8.4	3.7
	AAA	AN PHAT BIOPLAST	12,864	3,138 (136)	91,073 (4.0)	97.2	17.3	17.4	17.2	7.0	-	1.2	1.2	0.0	2.6	-1.4	-11.9
Năng lượng	PLX	VIETNAM NATIONAL	56,100	68,375 (2,972)	207,396 (9.1)	4.6	18.2	6.9	-51.0	15.4	16.4	2.1	2.0	1.4	1.4	-8.4	5.4
	PVD	PETROVIETNAM DRI	23,400	9,854 (428)	385,918 (16.9)	39.9	32.9	17.1	-11.9	3.5	6.2	1.1	1.0	0.7	1.5	14.0	23.3
	PVT	PETROVIET TRANSP	17,900	5,793 (252)	180,698 (7.9)	35.9	9.8	8.5	1.2	17.2	16.4	1.4	1.2	1.3	3.3	13.3	9.3
Hàng tiêu dùng không thiết yếu	MWG	MOBILE WORLD INV	93,000	65,024 (2,826)	176,111 (7.7)	0.0	15.0	12.7	14.4	28.6	28.6	4.0	3.4	0.2	2.9	-1.8	-0.5
	PNJ	PHU NHUAN JEWELR	87,500	19,895 (865)	149,106 (6.5)	0.0	17.9	14.4	2.4	21.2	20.6	3.3	2.7	1.3	4.0	-2.7	11.2
	YEG	YEAH1 GROUP CORP	40,300	1,261 (055)	19,051 (0.8)	70.6	-	-	-	-	-	-	-	-1.2	5.6	18.8	11.8
	FRT	FPT DIGITAL RETA	28,200	2,227 (097)	169,314 (7.4)	30.3	18.4	15.5	-75.2	30.7	29.9	5.1	4.2	-2.8	12.2	23.3	42.7
	PHR	PHUOC HOA RUBBER	61,900	8,387 (365)	49,100 (2.1)	34.6	10.3	11.4	41.2	33.6	26.0	2.8	2.3	-1.7	0.3	-9.2	6.3
Chăm sóc sức khỏe	DHG	DHG PHARMACEUTIC	100,300	13,114 (570)	5,414 (0.2)	45.4	18.5	17.3	10.7	19.3	18.8	3.3	3.0	-2.4	-1.1	-5.7	-4.9
	PME	PYMEPHARCO JSC	80,200	6,016 (261)	#N/A (#N/A)	11.7	-	-	1.6	-	-	-	-	-	-	-	-
IT	FPT	FPT CORP	68,000	61,301 (2,664)	138,472 (6.1)	0.0	17.8	14.8	15.5	27.0	31.1	4.1	5.1	1.2	5.9	3.8	3.7

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

## KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

---

**Nguyễn Xuân Bình**  
Giám đốc Khối Phân tích  
binhnx@kbsec.com.vn

### Phân tích Doanh nghiệp

**Dương Đức Hiếu**  
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp  
hieudd@kbsec.com.vn

**Nguyễn Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Tài chính & Công nghệ  
tungna@kbsec.com.vn

**Phạm Hoàng Bảo Nga**  
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản nhà ở  
ngaphb@kbsec.com.vn

**Lê Anh Tùng**  
Chuyên viên cao cấp – Dầu Khí & Ngân hàng  
tungla@kbsec.com.vn

**Nguyễn Ngọc Hiếu**  
Chuyên viên phân tích – Năng lượng & Vật liệu xây dựng  
hieunn@kbsec.com.vn

**Tiêu Phan Thanh Quang**  
Chuyên viên phân tích – Bất động sản công nghiệp & Logistics  
quangtpt@kbsec.com.vn

**Lương Ngọc Tuấn Dũng**  
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng  
dunglnt@kbsec.com.vn

**Khối Phân tích**  
research@kbsec.com.vn

### Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

**Trần Đức Anh**  
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư  
anhhd@kbsec.com.vn

**Lê Hạnh Quyên**  
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng  
quyenlh@kbsec.com.vn

**Thái Hữu Công**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
congth@kbsec.com.vn

**Trần Thị Phương Anh**  
Chuyên viên phân tích – Chiến lược & Cổ phiếu Mid cap  
anhhttp@kbsec.com.vn

### Bộ phận Hỗ trợ

**Nguyễn Cẩm Thơ**  
Chuyên viên hỗ trợ  
thonc@kbsec.com.vn

**Nguyễn Thị Hương**  
Chuyên viên hỗ trợ  
huongnt3@kbsec.com.vn

## CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

---

### Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

### Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội  
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

### Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

### Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

## LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: [ccc@kbsec.com.vn](mailto:ccc@kbsec.com.vn)

Website: [www.kbsec.com.vn](http://www.kbsec.com.vn)

## Hệ thống khuyến nghị

---

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Mua:	Nắm giữ:	Bán:
+15% hoặc cao hơn	trong khoảng +15% và -15%	-15% hoặc thấp hơn

### Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

Khả quan:	Trung lập:	Kém khả quan:
Vượt trội hơn thị trường	Phù hợp thị trường	Kém hơn thị trường

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.